TÒA ÁN NHÂNDÂN **HUYỆN KRÔNG NÔ** **TỈNH ĐĂK NÔNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:15/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 06/11/2018.
V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG NÔ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Nhi
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hồ Quang Hiển và ông Phạm Đình Bông.
- Thư ký phiên tòa: Bà Nông Thị Hường
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Nô tham gia phiên toà: Bà Hoàng Thị Thùy Dung - Kiểm sát viên sơ cấp.

Ngày 06 tháng 11 năm 2018, tại Tòa án nhân dân huyện Krông Nô xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 86/2018/TLST-HNGĐ, ngày 08 tháng 8 năm 2018 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 09/2018/QĐST-HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2018/QĐXXST-HNGĐ, ngày 18/10/2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Hoàng Thị B, sinh năm 1983 (có đơn xin xét xử vắng mặt).
Địa chỉ: Thôn Đ, xã N, huyện K, tỉnh Đăk Nông.
2. *Bị đơn:* Anh Hoàng Văn D, sinh năm 1975 (vắng mặt).
Địa chỉ: Thôn Đ, xã N, huyện K, tỉnh Đăk Nông.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 26/7/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Hoàng Thị B trình bày:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị B và anh Hoàng Văn D chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1999 đến ngày 16/7/2004 mới đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện K, tỉnh Đăk Nông; việc kết hôn trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn chị B và anh D sống hạnh phúc được khoảng 10 năm thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh D chơi bời không lo làm ăn, không hiểu nhau, anh D hay đánh đập chị B, thường xuyên say xỉn không quan tâm gì đến vợ và con nên hay xảy ra cãi vã mâu thuẫn xảy ra trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không đạt được, từ tháng 03/2018 chị B và anh D đã ly thân cho đến nay. Hiện nay chị B không còn tình cảm yêu thương

và không thể tiếp tục chung sống với anh D được nữa, Vì vậy, chị B làm đơn khởi kiện xin ly hôn với anh Hoàng Văn D.

2. Về con chung: Quá trình chung sống chị và anh D có 02 con chung là Hoàng Thị Phương T1, sinh ngày 26/11/2001 và Hoàng Hùng T2, sinh ngày 20/11/2005, hiện chị B đang trực tiếp nuôi hai con. Chị B có nguyện vọng được nuôi hai con chung và không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị B không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn anh Hoàng Văn D vắng mặt tại phiên tòa.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng từ khâu thụ lý đến trước khi mở phiên tòa; tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng, đầy đủ các trình tự thủ tục quy định; nguyên đơn chị B chấp hành đúng quy định của pháp luật, bị đơn là anh D không thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 72 Bộ luật TTDS năm 2015.

Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu đơn khởi kiện của chị Hoàng Thị B.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn chị Hoàng Thị B yêu cầu Tòa án giải quyết đối với bị đơn anh Hoàng Văn D cụ thể: về quan hệ hôn nhân chị B xin được ly hôn với bị đơn anh Hoàng Văn D; về con chung xin được nuôi con chung và không yêu cầu anh D đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung; về tài sản chung, nợ chung: chị B không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, quan hệ pháp luật được xác định là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Anh Hoàng Văn D là bị đơn có hộ khẩu thường trú tại thôn Đ, xã N, huyện K, tỉnh Đắk Nông nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Nô theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.3] Căn cứ để mở phiên tòa: Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử mặc dù đã được triệu tập hợp lệ bị đơn anh Hoàng Văn D nhiều lần để lấy lời khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh D không chấp hành, vắng mặt không lý do nên Tòa án không thể tiến hành lấy lời khai và hòa giải được. Mặc dù đã được triệu tập hợp lệ đến phiên tòa xét xử nhưng anh D vẫn vắng mặt không có lý do, theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử thống nhất quan điểm với kiểm sát viên, tiến hành xét xử vắng mặt anh D.

[2] Về nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án cũng như lời trình bày của đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Hoàng Thị B và anh Hoàng Văn D chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1999 đến ngày 16/7/2004 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ , huyện K, tỉnh Đắk Nông; việc kết hôn trên tinh thần tự nguyện, không ai ép buộc. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị B và anh D là hợp pháp, phù hợp với quy định tại Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Sau khi kết hôn chị B và anh D xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là anh D hay say xỉn, đánh đập vợ con, không lo làm ăn. Theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ đã thể hiện tại địa phương nơi chị B và anh D cư trú giữa hai người đã mâu thuẫn trong quan hệ hôn nhân, anh D hay say xỉn, đánh đập vợ con, không lo làm ăn (bl 34). Xét thấy giữa chị B, anh D có sự mâu thuẫn, có hành vi bạo lực gia đình làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó Hội đồng xét xử cần áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Hoàng Thị B.

[2.2] Về con chung: Chị B và anh D có hai con chung là Hoàng Thị Phương T1, sinh ngày 26/11/2001 và Hoàng Hùng T2, sinh ngày 20/11/2005. Chị B có nguyện vọng được nuôi hai con chung là Hoàng Thị Phương T1 và Hoàng Hùng T2, đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu anh D đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét thấy, anh D không có việc làm ổn định nhưng lại thường xuyên uống rượu say và có hành vi bạo lực đối với chị B và các con; bỏ mặc việc chăm sóc, giáo dục các con cho một mình chị B. Các cháu T1 và T2 cần một môi trường sống an toàn, lành mạnh và một điều kiện chăm sóc tốt để các cháu không bị ảnh hưởng về sức khỏe, tâm sinh lý và không bị lệch lạc trong giáo dục và phát triển nhân cách. Tại biên bản lấy lời khai cháu Hoàng Hùng T2 cũng có nguyện vọng được ở với mẹ (bl 22); Cháu Hoàng Thị Phương T1 sau khi được Tòa án tiến hành lấy lời khai, cháu T1 cho rằng cháu T1 không cần ai chăm sóc và nuôi cháu nên không ký vào biên bản mà tự ý bỏ về.

Hội đồng xét xử cần cần áp dụng Điều 58; 81; 82; 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 giao con chung Hoàng Thị Phương T1 và Hoàng Hùng T2 cho chị B trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung đến tuổi trưởng thành và khi cần thiết chị B, anh D có quyền yêu cầu thay đổi quyền nuôi con vì lợi ích của các con.

Anh Hoàng Văn D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Đối với nghĩa vụ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung chị B không yêu cầu Tòa án giải quyết và tại phiên tòa anh D vắng mặt không yêu cầu gì đối với nghĩa vụ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chị

Hoàng Thị B phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 235, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 69, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Thị B.

1. Về quan hệ hôn nhân:Chị Hoàng Thị B được ly hôn với anh Hoàng Văn D.

2. Về con chung: Giao con chung Hoàng Thị Phương T1, sinh ngày 26/11/2001 và Hoàng Hùng T2, sinh ngày 20/11/2005 cho chị Hoàng Thị B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu đến tuổi trưởng thành. Chị Hoàng Thị B không yêu cầu anh Hoàng Văn D đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Hoàng Thị B, anh Hoàng Văn D thực hiện các quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con sau ly hôn theo các Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị Hoàng Thị B phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng mà chị Biền đã nộp theo biên lai số 0000286 ngày 08/8/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Nô.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Đắk Nông;*
- *VKSND huyện Krông Nô;*
- *Chi cục THADS huyện K;*
- *UBND xã Đ;*
- *Những người tham gia tố tụng;*
- *Lưu HSVA, VPTA.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

VÕ THỊ NHI